



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

www.bmsc.com.vn

BMSC 



THÔNG TIN CHUNG**TỔNG QUAN CÔNG TY****TẦM NHÌN**

Phấn đấu trở thành Công ty chứng khoán có vị thế trên thị trường chứng khoán Việt Nam, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao với nền tảng giao dịch tiên tiến cùng đội ngũ nhân viên kinh nghiệm và tận tâm.

SỨ MỆNH

Phát triển tiềm lực về tài chính và con người để cung cấp dịch vụ tốt nhất cho nhà đầu tư. Phát triển chuyên sâu về dịch vụ ngân hàng đầu tư, tư vấn tài chính doanh nghiệp, M&A, bảo lãnh phát hành và môi giới chứng khoán để khai thác thế mạnh về kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên và hệ thống giao dịch.

TỔNG QUAN

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH
Tên tiếng Anh:	BAOMINH SECURITIES COMPANY
Tên viết tắt:	BMSC
Trụ sở chính:	Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P. 6, Q. 3, TP.HCM
Điện thoại:	84-28) 7306 8686 Fax: (84-28) 3824 7436
Email:	info@bmsc.com.vn
Website:	www.bmsc.com.vn

Giấy phép thành lập và hoạt động Số 90/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/04/2008. Các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động: số 382/GPĐC-UBCK ngày 31/12/2010, số 29/GPĐC-UBCK ngày 11/11/2014, số 16/GPĐC-UBCK ngày 24/05/2017, số 24/GPĐC-UBCK ngày 21/03/2018, số 87/GPĐC-UBCK ngày 18/10/2018, số 44/GPĐC-UBCK ngày 07/08/2019.

Biểu tượng (logo):



Vốn điều lệ (tính đến ngày 31/12/2020) 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng chẵn)

Điện thoại: (84-28) 7306 8686 Fax: (84-28) 3824 7436

Mã cổ phiếu:

BMS (UPCoM)

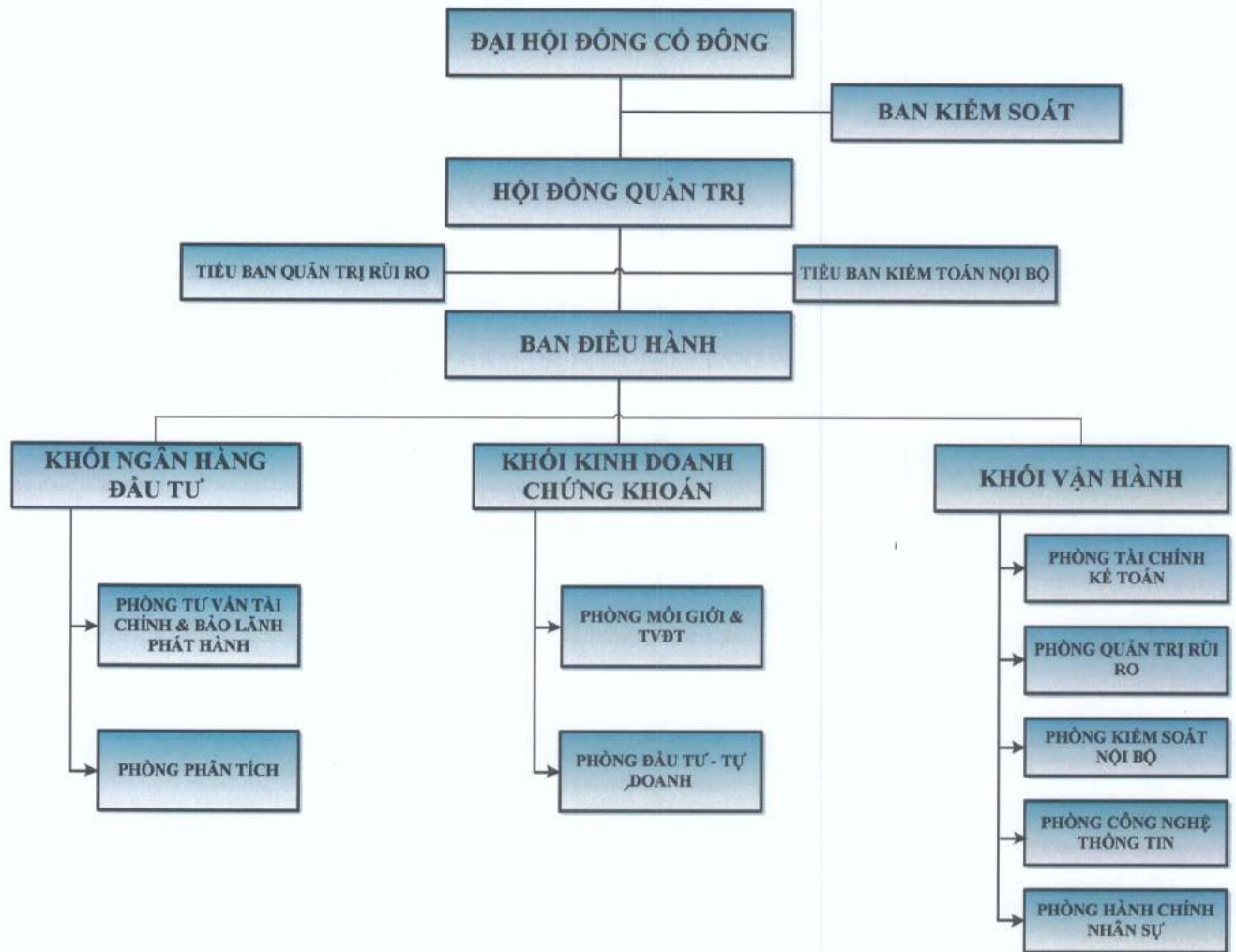
Ngành nghề cấp phép

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là BMSC) được sáng lập bởi Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, tổ chức hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm và đầu tư tài chính hàng đầu tại Việt Nam.
- Công ty chính thức hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21/04/2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, với vốn điều lệ ban đầu là 300 tỷ đồng. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 18/GPĐC-UBCK ngày 18/10/2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Ngày 31/12/2010, thực hiện chủ trương của HĐQT về định hướng phát triển lâu dài và toàn diện, Công ty đã chuyển trụ sở chính từ Hà Nội vào TP. Hồ Chí Minh.
- Ngày 29/09/2016, Công ty đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát mới. Ban lãnh đạo đã thực hiện tái cấu trúc lại Công ty, thu hút và xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng, vạch ra các chiến lược phát triển mới và đang hướng tầm nhìn chiến lược dài hạn đến mô hình ngân hàng đầu tư hiện đại và năng động.
- Ngày 26/01/2018, BMSC đã thực hiện phát hành cổ phiếu ra công chúng, nâng mức vốn điều lệ hiện tại lên 500 tỷ đồng.
- Thông qua tiềm lực tài chính dồi dào, cơ sở vật chất khang trang, hệ thống công nghệ hiện đại, an toàn và bảo mật, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp được đào tạo trong và ngoài nước, BMSC đã có những bước chuyển mình cơ bản để nhanh chóng đối mặt với những thách thức, đồng thời đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển mạnh mẽ trong tương lai.
- Các thành tựu đạt được:
 - Là một trong 15 công ty chứng khoán được trao tặng danh hiệu công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu của năm, trong cuộc bình chọn Doanh nghiệp và thành viên thị trường tiêu biểu năm 2009 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Báo Đầu tư tổ chức.
 - Là một trong 1.000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2012 do Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với Báo điện tử VietNamNet và Tổng cục Thuế trao tặng.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



Mô hình tổ chức của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành.

Cơ cấu tổ chức Công ty được chia làm 3 khối:

- Khối ngân hàng đầu tư gồm: Phòng Tư vấn doanh nghiệp và Bảo lãnh phát hành, Phòng Phân tích.
- Khối kinh doanh chứng khoán gồm: Phòng Môi giới và Tư vấn đầu tư, Phòng Đầu tư – Tự doanh
- Khối vận hành gồm: Phòng tài chính kế toán, Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Quản Trị Rủi Ro, Phòng kiểm soát nội bộ, Phòng hành chính nhân sự.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mảng Môi giới:

- Đa dạng kênh thu hút nguồn vốn: vay vốn ngân hàng, phát hành trái phiếu... nhằm mở rộng nguồn vốn làm cơ sở cho việc mở rộng dịch vụ môi giới (ứng trước, ký quỹ) và dịch vụ tư vấn và cung cấp đa dạng sản phẩm tài chính;
- Tăng cường mở rộng hoạt động môi giới đồng thời tăng cường công tác quản trị rủi ro chặt chẽ;

- Phát triển mảng môi giới trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính phủ.

Mảng đầu tư, tự doanh:

- Phát triển hoạt động Trading ngắn hạn với mục tiêu sinh lợi tối đa trên tổng hạn mức đầu tư được cấp, hạn chế rủi ro. Để tận dụng các cơ hội của thị trường, danh mục đầu tư sẽ bao gồm: cổ phiếu niêm yết trên sàn; cổ phiếu OTC; Trái phiếu chính phủ, Trái phiếu doanh nghiệp ...

Mảng Tư vấn Doanh nghiệp & Bảo lãnh Phát hành:

- Giữ vững mối quan hệ với nguồn khách hàng hiện tại, triển khai sâu rộng hoạt động bảo lãnh phát hành.
- Tăng cường mở rộng hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn IPO, niêm yết, M&A, phát hành trái phiếu doanh nghiệp...
- Hỗ trợ tự doanh, môi giới trong các nghiệp vụ liên quan.
- Thực hiện chăm sóc và tư vấn các doanh nghiệp đang và sẽ là khách hàng.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**Rủi ro kinh tế**

Những biến động của nền kinh tế vĩ mô có thể tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi thành phần kinh tế và đời sống xã hội, và qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực kinh tế có liên quan mật thiết đến nền kinh tế vĩ mô trong đó có lĩnh vực chứng khoán. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó có một số yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh của công ty cụ thể như sau:

Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam trong năm 2020 là điểm sáng trong khu vực, tăng 2,91% - mức tăng trưởng dương hiếm hoi, đứng vào nhóm tốt nhất so với các nước trong khu vực và thế giới. Những yếu tố có thể hỗ trợ cho tăng trưởng bao gồm: Chính phủ kiểm soát tốt dịch bệnh từ giai đoạn sớm giúp duy trì hoạt động kinh tế trong nước, kỳ vọng về triển vọng kinh tế do việc hoàn tất ký kết

Hiệp định thương mại tự do và bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và EU (EVFTA và IPA) đem lại; tiến độ giải ngân và thi công các dự án đầu tư công trọng điểm được đẩy nhanh hơn; làn sóng dịch chuyển đầu tư và thương mại nhằm phân tán rủi ro từ cuộc xung đột thương mại Mỹ - Trung; môi trường vĩ mô ổn định, lạm phát kiểm soát được ở mức chấp nhận được, tạo môi trường cho việc thực thi các chính sách hỗ trợ tăng trưởng. Tuy vậy, Việt Nam cũng đang gặp nhiều rủi ro và thách thức trong một môi trường kinh tế thế giới bất trắc.

Sự tái bùng phát của COVID-19 tại nhiều nước đi kèm với các biện pháp phong tỏa tiếp tục kéo dài thời gian đứt gãy của chuỗi cung ứng trong năm 2021 khiến sức chịu đựng của doanh nghiệp ngày càng yếu hơn. Bên cạnh đó, điểm yếu của kinh tế Việt Nam còn đến từ các rủi ro nội tại như mất cân đối tài khóa lớn, tốc độ và mức độ đầu tư phát triển, đặc biệt là hạ tầng, còn chậm cho hiệu quả quản lý thấp; sức khỏe hệ thống ngân hàng – tài chính tuy dần được củng cố nhưng còn dễ tổn thương.

Rủi ro lạm phát

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng cao sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hoá lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị

trường. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm 2019 chủ yếu là do: giá lương thực thực phẩm tăng do nhu cầu nhập khẩu gạo để dự trữ từ các quốc gia khác trên thế giới tăng dưới sức ảnh hưởng từ dịch COVID 19 và giá thị lợn tăng; giá thuốc và thiết bị y tế tăng; giá nhóm hàng giao thông giảm do giá dầu giảm và lệnh giãn cách xã hội.

Rủi ro về môi trường pháp lý

Rủi ro pháp lý xảy ra cho Công ty trong quá trình chấp hành luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo từ các bên liên quan trong quá trình hoạt động hàng ngày của Công ty. Để đảm bảo hạn chế rủi ro phát sinh, các văn bản luật sửa đổi, ban hành mới luôn được cập nhật kịp thời, phổ biến rộng rãi và tích hợp vào quy trình tác nghiệp, quy định của Công ty.

Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là các rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định, quy trình của công ty trong các hoạt động của BMSC do việc không cập nhật hoặc cố tình không tuân thủ của nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng hay của công ty để rút tiền, đặt nhầm lệnh, tự doanh dùng tiền của công ty mua chứng khoán bên ngoài và bán lại cho công ty để ăn chênh lệch,.... Để hạn chế các thiệt hại có thể xảy ra công ty đã đưa ra các biện pháp:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, đề cao đạo đức nghề nghiệp;
- Ứng dụng tối đa công nghệ hiện đại để xây dựng, quản lý giao dịch hỗ trợ hiệu quả tối đa cho khách hàng;
- Xây dựng quy trình quản trị nội bộ để kiểm soát đến mức thấp nhất khi rủi ro xảy ra và phổ biến đầy đủ cho các bộ công nhân viên.

Rủi ro tài chính bao gồm:

Rủi ro lãi suất

Rủi ro về lãi suất xảy ra do giá trị của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự thay đổi của lãi suất thị trường. Dòng tiền đó có thể đến từ các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay nợ chịu lãi suất thả nổi,... Đứng về khía cạnh là Doanh nghiệp có những khoản đầu tư tài chính là tiền gửi vào ngân hàng có và không có kỳ hạn, rõ ràng việc lãi suất giảm ảnh hưởng không nhỏ đến dòng tiền từ hoạt động tài chính của Công ty.

Rủi ro giá

Các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán bằng cách thiết lập các hạn mức đầu tư, danh mục đầu tư, định kỳ đánh giá lại danh mục, tuân thủ nguyên tắc và giới hạn trong quy chế đầu tư.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Để giảm thiểu rủi ro này Công ty luôn kiểm soát các tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định và có các chính sách quản lý rủi ro nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là các rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, công tác phòng chống dịch bệnh đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục không bị gián đoạn, bảo vệ sức khỏe và lợi ích của khách hàng trước mọi diễn biến bất khả kháng trên.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

❖ Tình hình thực hiện chỉ tiêu năm 2020 so với kế hoạch

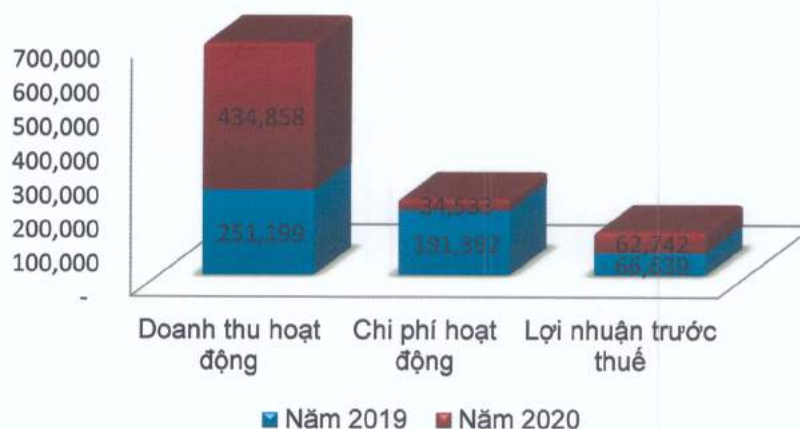
Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	435.820	116.187	375,10%
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	46.432	10.877	426,87%

Nguồn: BMSC

Năm 2020 là một năm đầy biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam. Dịch Covid-19 bùng phát đã khiến thị trường chứng khoán rơi vào những phiên giảm điểm lịch sử, điều này tác động rất lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty. Trong những tháng đầu năm Công ty đã triển khai các giải pháp phòng chống dịch bệnh nhưng vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh xuyên suốt với kết quả như sau. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 46 tỷ đồng vượt 275,10% so với kế hoạch năm. Doanh thu thực hiện trong năm 2020 đạt 435 tỷ đồng vượt 275,10% so với kế hoạch.

Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 so với năm 2019
Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/(giảm)
1	Doanh thu hoạt động	251.199	434.858	73,11%
2	Chi phí hoạt động	191.392	345.330	80,43%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	564	256	(54,61%)
4	Chi phí tài chính	13.010	13.336	2,51%
5	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	13.524	13.490	(0,26%)
6	Kết quả hoạt động	33.838	62.258	83,99%
7	Thu nhập khác và chi phí khác	32.802	(216)	(100,66%)
8	Lợi nhuận trước thuế	66.639	62.742	(5,85%)
9	Lợi nhuận sau thuế	53.347	46.432	(12,96%)
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.035	873	(15,65%)

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020 của BMSC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Tổng doanh thu hoạt động năm 2020 đạt 434.858 triệu đồng, tăng 138.658 triệu đồng, tương ứng tăng 73,11% so với năm 2019. Chi phí hoạt động kinh doanh năm 2020 là 345.330 triệu đồng tăng 80,43% so với năm 2019. Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2020 giảm nhẹ so với năm 2019.

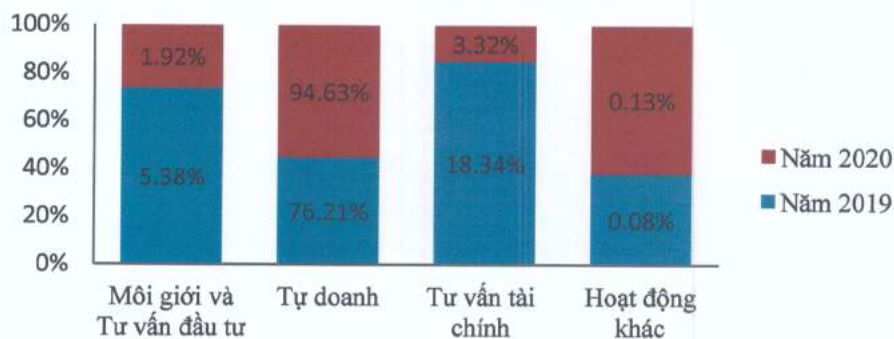
CƠ CẤU DOANH THU THEO LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Môi giới và Tư vấn đầu tư	13.518	5,38%	8.356	1,92%
Tự doanh	191.583	76,21%	411.518	94,63%
Tư vấn tài chính	46.099	18,34%	14.427	3,32%
Hoạt động khác	196	0,07%	556	0,13%
Doanh thu hoạt động	251.396	100%	434.858	100%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020

CƠ CẤU DOANH THU HOẠT ĐỘNG QUA CÁC NĂM



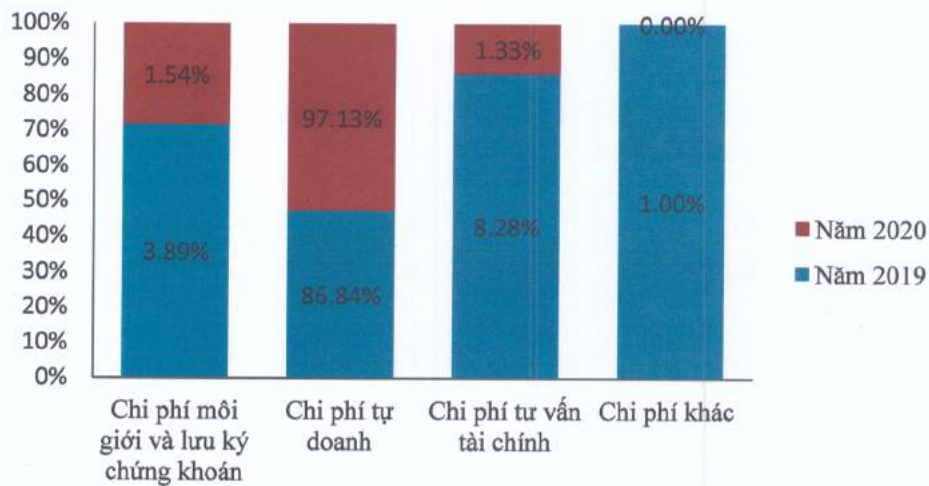
CƠ CẤU CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí môi giới và lưu ký CK	7.436	87,68%	5.307	92,56%
Chi phí tự doanh	166.204	5,96%	335.430	3,57%
Chi phí tư vấn tài chính	15.845	6,20%	4.593	3,62%
Chi phí khác	1.907	0,16%	0	0,25%
Tổng cộng	191.392	100%	345.330	100%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020

CƠ CẤU CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ BAN ĐIỀU HÀNH

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Ngô Phúc Bảo

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

- Từ 2004 - 2010 : Giám sát Kinh doanh – Công ty Liên doanh Nhà máy Bia Việt Nam.
- Từ 2011 - 2013 : Giám đốc kinh doanh – CTCP Bất động sản Bản Việt.
- Từ 2014 – 2016 : Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Bảo Vương.
- Từ 2016 – 03/2018 : Thành viên HĐQT kiêm Quyền Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Bảo Minh.
- Từ 03/2018 - 04/2018 : Chủ tịch HĐQT kiêm Quyền Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Bảo Minh.
- Từ 04/2018 – 06/2018 : Thành viên HĐQT kiêm Quyền Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Bảo Minh.
- Từ 06/2018 – nay : Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Bảo Minh.

Ông Hoàng Văn Thắng - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

- Từ 2001- 2004 : Phụ trách kinh doanh xuất nhập khẩu Công ty YBS HongKong.
- Từ 2004 - 2007 : Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Tràm Việt.
- Từ 2007 - 2014 : Phụ trách phòng Đầu tư tài chính Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 2014 - 2016 : Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Sản xuất Giấy Nam Long.
- Từ 8/2016 – 01/2017 : Quyền Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Bảo Minh.
- Từ 02/2017 – 04/2018 : Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Bảo Minh.
- Từ 04/2019 - nay : Thành viên HĐQT CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
- Từ 08/2019 - nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1
- Từ 04/2018 – nay : Thành viên HĐQT kiêm TGD CTCP Chứng khoán Bảo Minh.

Ông Đào Văn Chiêu

Chức vụ: thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Quá trình công tác:

- Từ 08/2008 –02/2012 : Trưởng phòng Du lịch nội địa & Vé máy bay Công ty CP Vận chuyển Saigontourist – Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn.
- Từ 03/2012 –12/2015 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Du lịch Chợ Lớn – Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn.
- Từ 12/2015 –12/2016 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Du lịch Thành Thành Công.
- Từ 12/2016 – Nay : Giám đốc Kinh doanh Công ty TNHH Hottour.
- Từ 04/2018 – nay : Thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh.

Bà Trần Thị Thanh Hương

Chức vụ: thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 1995 -1996	: Kế toán viên Kế toán vật tư, xây dựng giá thành - Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel – Yamamura - Hải Phòng.
Từ 1996 – 1997	: Kế toán vật tư, xây dựng giá thành - Công ty Thủy tinh Hải Phòng.
Từ 1997 – 1999	: Kế toán viên - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
Từ 2000 – 2002	: Phó phòng Đầu tư - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
Từ 2002 – 2005	: Phó Giám đốc Ban Kế hoạch - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
Từ 2005 – 2008	: Giám đốc Ban Kế hoạch - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
Từ 2008 – 6/2013	: Chánh Văn Phòng – Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
Từ 7/2013 – Nay	: Giám đốc Ban Đầu tư - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
Từ 2014 – nay	: Thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh.
Từ 2014 – nay	: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp.

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2020

Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh đã thực hiện tái cấu trúc nhân sự trong Ban Tổng Giám đốc và có sự thay đổi lớn về nhân sự, cụ thể như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Stt	Thành viên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm
1.	Trần Khải Hoàn	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 03/11/2020

BAN KIỂM SOÁT

Stt	Thành viên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm
1	Nguyễn Ngọc Thọ	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 16/04/2020
2.	Trần Thị Thủy	Thành viên BKS	Bầu bổ sung ngày 16/06/2020
3.	Nguyễn Thị Cúc	Thành viên BKS	Bầu bổ sung ngày 16/06/2020
4.	Đàm Thị Hương	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 16/04/2020
5	Phan Anh Ngọc Thanh	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 16/06/2020

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính tới thời điểm ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh có 29 lao động, với cơ cấu như sau:

Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2020 của BMSC

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ	29	100%
+ Trình độ trên đại học	02	6,90%
+ Trình độ đại học	20	68,96%
+ Trình độ cao đẳng, trung cấp	05	17,24%
+ Lao động phổ thông	02	6,90%
II. Phân theo tính chất của hợp đồng	29	100%
+ Lao động không xác định thời hạn	13	44,83%
+ Lao động có thời hạn từ 12 - 36 tháng	15	51,72%
+ Lao động có thời hạn dưới 12 tháng	1	3,45%
+ Lao động thuộc diện không ký Hợp đồng lao động	-	-
III. Phân theo giới tính	29	100%
+ Nam	14	48,28%
+ Nữ	15	51,72%

Nguồn: BMSC

Môi trường làm việc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, thoải mái và chuyên nghiệp để mọi cá nhân có thể phát huy hết khả năng của mình phục vụ cho công việc chung.

Các chính sách của Công ty luôn hướng về tinh thần đoàn kết giữa Ban Điều hành với người lao động cũng như giữa người lao động với nhau. Điều này giúp cho tinh thần làm việc của Công ty luôn đạt hiệu suất cao nhất.

Chính sách đối với người lao động

Người lao động làm việc tại BMSC được hưởng đầy đủ các chế độ lương, thưởng, trợ cấp theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, công đoàn của Công ty

thường xuyên quan tâm đến các phong trào thi đua, khen thưởng kịp thời, quan tâm đến đời sống của người lao động, thực hiện tốt các chế độ chính sách ưu đãi cho cán bộ công nhân viên Công ty.

- Chính sách đào tạo: Công tác đào tạo luôn được Công ty coi trọng, Công ty hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
- Chính sách tiền lương:
 - Đối với chế độ tiền lương, Công ty tuân thủ theo Luật Lao động và quy định về nâng bậc lương của Công ty đã ban hành.
 - Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng chế độ, chính sách quy định theo quy định pháp luật hiện hành.
 - Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có đóng góp cho Công ty. Có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động gây ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín của Công ty.
 - Chế độ đãi ngộ và khen thưởng: Công ty thực hiện tốt các chế độ phúc lợi như khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm trách nhiệm người sử dụng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ nghỉ phép,... cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, Công ty thực hiện chế độ thưởng bằng tiền mặt vào các ngày lễ lớn trong năm.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Không có.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/(giảm)
Các chỉ tiêu Bảng cân đối kế toán				
1	Tổng tài sản	804.028	851.261	5,87%
2	Nợ phải trả	207.960	215.261	3,51%
3	Vốn chủ sở hữu	596.068	635.999	6,70%
4	Vốn điều lệ	500.000	500.000	0,00%
Chỉ tiêu Báo cáo kết quả kinh doanh				

1	Doanh thu hoạt động	251.199	434.858	73,11%
2	Chi phí hoạt động	191.392	345.329	80,43%
3	Kết quả hoạt động	33.837	62.958	86,06%
4	Thu nhập khác	32.802	-216	(100,66)
5	Lợi nhuận trước thuế	66.639	62.742	(5,85%)
6	Lợi nhuận sau thuế	53.347	46.432	(12,96%)
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1.035	873	(15,65%)

CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: triệu đồng

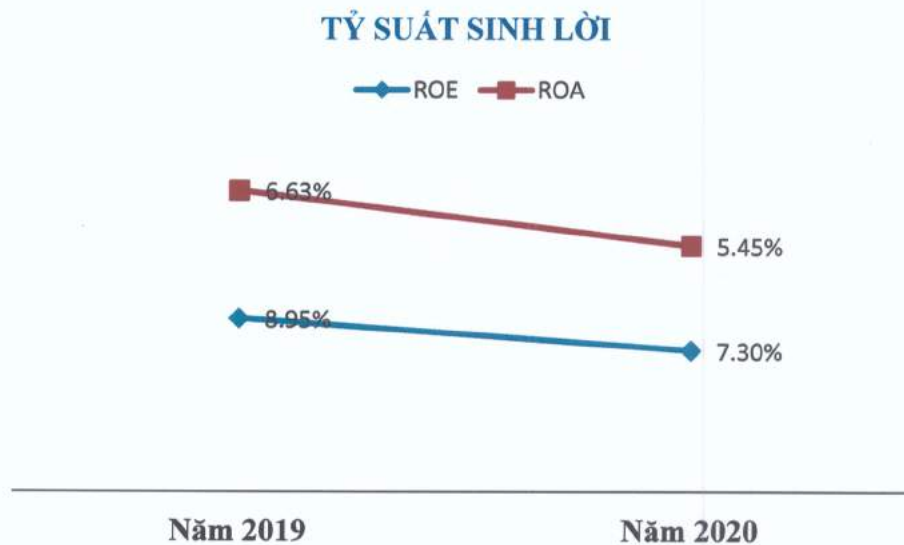
Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	52.464	90.422
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	23.774	3.642
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	52.564	60.000
4	Tổng giá trị rủi ro	128.803	154.064
5	Vốn khả dụng	406.173	634.073
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	315%	412%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	DVT	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,84	4,07
+ Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	3,84	4,07
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	25,86	25,29
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	34,89	33,45

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	0,31	0,51
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	21,24	10,68
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	8,95	7,30
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	6,63	5,45
+ Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	Đồng	651	1.035

KHẢ NĂNG SINH LỜI: ROE, ROA



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHẦN

Cổ phần

Tính đến ngày 31/12/2020, vốn điều lệ của Công ty như sau:

• Vốn điều lệ của Công ty	:	500.000.000.000 đồng
• Mệnh giá 1 cổ phần	:	10.000 đồng
• Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch	:	50.000.000 cổ phiếu
• Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	50.000.000 cổ phiếu

• Cổ phiếu quỹ	:	0 cổ phiếu
• Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	:	0 cổ phiếu
• Cổ phiếu tự do chuyển nhượng	:	50.000.000 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
I	Cổ đông lớn	35.009.666	70.02%	3	1	2
1	Trong nước	35.009.666	70.02%	3	1	2
2	Nước ngoài	-	-	-	-	-
II	Công đoàn công ty	-	-	-	-	-
1	Trong nước	-	-	-	-	-
2	Nước ngoài	-	-	-	-	-
III	Cổ đông khác	14.990.334	29.98%	1.048	2	1.046
1	Trong nước	14.990.334	80,75%	1.048	2	1.046
2	Nước ngoài	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	50.000.000	100%	1.051	3	1.048
	- Trong nước	50.000.000	100%	1.051	3	1.048
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-

Nguồn: Danh sách cổ đông của BMSC chốt ngày 07/04/2020

Số lượng cổ phần nắm giữ của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Hội đồng quản trị	-	-	-
1	Trần Ngô Phúc Bảo	Phó Chủ tịch	-	-
2	Hoàng Văn Thắng	Thành viên	-	-
3	Trần Thị Thanh Hương	Thành viên	-	-

4	Đào Văn Chiêu	Thành viên	-	-
II Ban Tổng Giám đốc				
1	Hoàng Văn Thắng	Tổng GD	-	-
III Kế toán trưởng				
1	Đặng Thùy Trang	KTT	-	-

Nguồn: BMSC

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Không có.

TỶ LỆ CHI TRẢ CỔ TỨC

Ngày 16/06/2020, Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2020 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh đã thông qua tỷ lệ trả cổ tức của 2018 là 5% cổ tức bằng cổ phiếu và 2019 là 14% cổ tức bằng cổ phiếu.

THÔNG TIN VỀ CÁC GIAO DỊCH, QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

- Ngày 18/11/2020: Bà Trịnh Thị Thu Hương – Người được ủy quyền Công bố thông tin đã bán 26,400 cổ phiếu BMS theo phương thức khớp lệnh trên sàn/thỏa thuận.

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Giao dịch 1: Công ty Cổ phần Xây dựng và thiết kế số 1.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng quản lý cổ đông
- Mối quan hệ: Tổ chức có liên quan của người nội bộ.
- Thời điểm giao dịch với Công ty:
- Số Nghị quyết/quyết định của HĐQT: 30/2020-BMSC/NQ-HĐQT ngày 17/09/2020.

Giao dịch 2: Công ty Cổ phần Xây dựng và thiết kế số 1.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng tư vấn chào bán
- Mối quan hệ: Tổ chức có liên quan của người nội bộ.
- Thời điểm giao dịch với Công ty: 05/10/2020
- Số Nghị quyết/quyết định của HĐQT: 30/2020-BMSC/NQ-HĐQT ngày 17/07/2020.

Giao dịch của người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát: (Không có)

Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác

- Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, thành viên Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có.
- Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Không có.
- Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2020, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Thực hiện tái cấu trúc Công ty, cơ cấu lại bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, đảm bảo tính linh hoạt và hiệu quả. Cấu trúc lại Ban Lãnh đạo, các cán bộ quản lý và người lao động, đảm bảo cán bộ nhân viên luôn được tạo điều kiện nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn. Công ty đảm bảo đào tạo thường xuyên và liên tục các nghiệp vụ mới, tạo điều kiện cho người lao động phát huy hết khả năng và nâng cao năng suất lao động.

Kế hoạch kinh doanh được định hướng rõ ràng và cân đối trên cơ sở các nền tảng nguồn vốn, nhân lực sẵn có, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

Toàn thể CBCNV tin tưởng, đoàn kết, toàn tâm phần đấu làm việc, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đặt ra.

Hiện Công ty là một trong những doanh nghiệp có uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Công ty thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh được phép của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước, luôn đảm bảo sự minh bạch trong quản lý tài khoản nhà đầu tư, công khai trong các hoạt động kinh doanh. Hoạt động tự doanh chứng khoán đã đóng góp vào phần lớn doanh thu của Công ty, bên cạnh đó nghiệp vụ môi giới chứng khoán cũng có doanh thu khá ấn tượng trong năm 2020, các nghiệp vụ kinh doanh khác cũng góp phần đáng kể vào doanh thu hàng năm của Công ty.

Đánh giá về hoạt động năm 2020

Điểm mạnh:

- Tình hình tài chính BMSC nằm trong vùng an toàn, luôn duy trì tốt tỷ lệ an toàn vốn khả dụng. BMSC đã kiểm soát chi phí và rủi ro khá tốt.
- BMSC đã xây dựng và khẳng định được thương hiệu trong những năm qua. Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán đạt trên 2.500 tài khoản làm cơ sở để tiếp tục thu hút nhà đầu tư về giao dịch, mở rộng thị phần.
- Việc cung cấp sản phẩm dịch vụ của BMSC đều chú trọng đến yếu tố rủi ro và thực tế đã kiểm soát không để xảy ra rủi ro trong hoạt động kinh doanh từ năm 2013.

- Xây dựng được văn hóa công ty tạo môi trường tốt cho CBCNV. Hội đồng quản trị, Ban điều hành BMSC đều là những người có nhiều kinh nghiệm và thể hiện quyết tâm gắn bó lâu dài và đoàn kết trong mọi hoạt động.

Điểm yếu:

- Với mức Vốn điều lệ là 500 tỷ đồng được xếp vào nhóm các công ty có vốn trung bình khá và gặp nhiều khó khăn khi muốn mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng. Đặc biệt vào tháng 8/2017 UBCK đưa vào hoạt động thị trường chứng khoán phái sinh với những yêu cầu rất cao về vốn đối với CTCK (tối thiểu từ 700 tỷ đồng);
- Hoạt động môi giới còn nhiều hạn chế do chưa phát triển mạnh mẽ các sản phẩm tài chính cạnh tranh và đội ngũ nhân viên kinh doanh mở rộng thị phần.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đã bám sát các nghị quyết của HĐQT để triển khai các chủ trương của HĐQT, chỉ đạo, thực hiện theo đúng phân cấp thẩm quyền, kiểm tra, điều hành mọi hoạt động của Công ty để hoàn thành kế hoạch đề ra. Tổng Giám đốc cũng là thành viên HĐQT của Công ty, nên việc triển khai thực hiện các Nghị quyết diễn ra nhanh chóng, kịp thời.

Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch cụ thể một cách khoa học, thường xuyên kiểm tra, hội ý, tranh luận, trao đổi để đưa ra các quyết định kịp thời, chính xác để điều hành sản xuất. Việc phân công từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp và phát huy cao nhất năng lực quản lý, lãnh đạo của các thành viên.

Quan hệ công việc giữa Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đúng theo quy chế quản trị của công ty.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, kịp thời, chính xác và trung thực.

Ban Tổng Giám đốc cũng chủ động trong việc tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lý để đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Trải qua 1 năm đầy khó khăn và thử thách, Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đưa ra các biện pháp để nâng cao hoạt động kinh doanh và hoàn thành kế hoạch. Công ty đã nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 đề ra, cụ thể:

- Tổng doanh thu đạt 434.857 tỷ đồng, tăng 73,11% so với năm 2019 và vượt 275% so với kế hoạch đề ra.
- Tổng chi phí: 373.078 tỷ đồng, tăng 70,47% so với năm 2019 và vượt 263,66% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: 62.742 tỷ đồng, vượt 361,45% so với kế hoạch năm 2020 và giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lợi nhuận đã thực hiện 19.175 tỷ đồng và lợi nhuận chưa thực hiện 43.566 tỷ đồng.

Trong tình hình kinh tế còn nhiều biến động và sự cạnh tranh của thị trường rất lớn thì đây là thành tích được HĐQT đánh giá rất cao, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty hiệu quả, đúng pháp luật và được người lao động trong Công ty tin nhiệm, quan hệ tốt với đối tác và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước cũng như đảm bảo chính sách cho nhân sự của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2021

Kế hoạch tổng quát

- Phân đầu hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của năm 2021.
- Từng bước phục hồi lại hoạt động của Công ty sau đại dịch Covid-19
- Thực hiện việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.
- Từng bước thực hiện và hoàn thiện tiến trình tái cấu trúc Công ty.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

- Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) hiện tại gồm 04 thành viên (trong đó có 02 thành viên HĐQT độc lập), đảm bảo quy định về cơ cấu thành viên HĐQT.
- Năm 2020, Chủ tịch Hội đồng quản trị là Ông Trần Khải Hoàn đã có đơn từ nhiệm. Thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, HĐQT đã ban hành Nghị quyết miễn nhiệm ông Trần Khải Hoàn theo đơn từ nhiệm và đồng thời họp để bầu ông Trần Ngô Phúc Bảo tạm thời thực hiện quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Hội đồng Quản trị cho đến khi Hội đồng Quản trị bầu được chủ tịch HĐQT mới.
- HĐQT thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong năm 2020, HĐQT đã họp 07 phiên định kỳ, các cuộc họp đều hội tụ đủ các điều kiện tiến hành, tất cả các thành viên đương nhiệm tham dự đầy đủ, mỗi cuộc họp đều ghi biên bản cụ thể và sau khi họp đều ra nghị quyết những nội dung cần thiết.
- HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát toàn diện đối với hoạt động điều hành Công ty, thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Điều hành trong quá trình triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ, nghị quyết của HĐQT, đảm bảo hoạt động của BMSC được tiến hành đúng quy định tại điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Các văn bản HĐQT đã ban hành trong năm 2020:

Năm 2020, thực hiện nhiệm vụ quyền hạn đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó, HĐQT đã họp 07 phiên định kỳ và ban hành các Nghị quyết/quyết định để triển khai thực hiện các nội dung họp.

Stt	Số Công Văn	Nội dung	Ngày ký
1	04/2020-BMSC/NQ-HĐQT	NQ phê duyệt khen thưởng cho các thành viên HĐQT	17/02/2020
2	05/2020-BMSC/BB-HĐQT	Biên bản họp HĐQT lần 1 năm 2020	09/03/2020

3	06/2020-BMSC/NQ-HDQT	NQ thống nhất thông qua phương án phát hành trái phiếu đợt 1 năm 2020	10/03/2020
4	08/2020-BMSC/BB-HDQT	Biên bản họp HĐQT lần 2 năm 2020	12/03/2020
5	09/2020-BMSC/NQ-HDQT	NQ Thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu CTCP Đầu tư Thương mại BP	12/03/2020
6	11/2020-BMSC/NQ-HDQT	NQ Thông qua việc tạm ngưng chi thù lao cho HĐQT & BKS từ tháng 04/2020	01/04/2020
7	12/2020-BMSC/NQ-HDQT	NQ Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020	01/04/2020
8	13/2020-BMSC/BB-HDQT	Biên bản họp HĐQT lần 3 năm 2020	16/04/2020
9	14/2020-BMSC/NQ-HDQT	NQ Thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu năm 2020	16/04/2020
10	15/2020-BMSC/NQ-HDQT	NQ miễn nhiệm Trưởng Ban kiểm soát Đàm Thị Hương	16/04/2020
11	16/2020-BMSC/NQ-HDQT	NQ bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Ngọc Thọ	16/04/2020
13	29/2020-BMSC/BB-HDQT	Biên bản họp HĐQT lần 4 năm 2020	17/09/2020
14	30/2020-BMSC/ NQ-HDQT	NQ thông qua giao dịch với tổ chức có liên quan của người nội bộ	17/09/2020
15	35/2020-BMSC/BB-HDQT	Biên bản họp HĐQT lần 5 năm 2020	03/11/2020
16	36/2020-BMSC/ NQ-HDQT	NQ miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT đối với ông Trần Khải Hoàn.	03/11/2020
17	37/2020-BMSC/ NQ-HDQT	NQ Phê duyệt ông Trần Ngô Phúc Bảo tạm thời thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị	03/11/2020
18	38/2020-BMSC/BB-	Biên bản họp HĐQT lần 6 năm 2020	05/11/2020

	HĐQT		
19	39/2020-BMSC/BB-HĐQT	Biên bản họp HĐQT lần 7 năm 2020	12/11/2020
20	40/2020-BMSC/NQ-HĐQT	NQ triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	12/11/2020

3. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị

a. Đối với thành viên HĐQT độc lập

- Căn cứ theo quy định tại Điều 155 - Luật doanh nghiệp và Điều 276 - Nghị định 155 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, hiện Công ty có 02 thành viên HĐQT độc lập đáp ứng đúng yêu cầu của pháp luật hiện hành.

Trong năm 2020, các hoạt động của thành viên HĐQT độc lập được thực hiện theo đúng quy định trong điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan

b. Đối với Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai nghị quyết ĐHCĐ và các nghị quyết của HĐQT, kết quả giám sát như sau:

- Ban Tổng Giám đốc đã bám sát các nghị quyết của HĐQT để triển khai các chủ trương của HĐQT, chỉ đạo, thực hiện theo đúng phân cấp thẩm quyền, kiểm tra, điều hành mọi hoạt động của Công ty để hoàn thành kế hoạch đề ra. Tổng Giám đốc cũng là thành viên HĐQT của Công ty, nên việc triển khai thực hiện các Nghị quyết diễn ra nhanh chóng, kịp thời.
- Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch cụ thể một cách khoa học, thường xuyên kiểm tra, hội ý, tranh luận, trao đổi để đưa ra các quyết định kịp thời, chính xác để điều hành hoạt động kinh doanh. Việc phân công từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp và phát huy cao nhất năng lực quản lý, lãnh đạo của các thành viên.
- Quan hệ công việc giữa Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đúng theo quy chế quản trị của công ty.
- Ban Tổng Giám đốc thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, kịp thời, chính xác và trung thực.
- Ban Tổng Giám đốc cũng chủ động trong việc tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lý để đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.
- Trải qua 1 năm đầy khó khăn và thử thách, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đưa ra các biện pháp để nâng cao hoạt động kinh doanh và hoàn thành kế hoạch. Công ty đã nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019 đề ra. Trong tình hình kinh tế còn nhiều biến động và sự cạnh tranh của thị trường rất lớn thì đây là thành tích được HĐQT đánh giá rất cao, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty hiệu quả, đúng pháp luật và được người lao động trong Công ty tín nhiệm, quan hệ tốt với đối tác và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước

c. Đối với các tiểu ban trực thuộc HĐQT

- Hiện HĐQT có 2 tiểu ban trực thuộc là tiểu ban quản trị rủi ro và tiểu ban kiểm toán nội bộ.
- Trong năm 2020, 2 tiểu ban đã hoạt động trên tinh thần độc lập, khách quan, trung thực nhằm mục đích tối thiểu hóa thiệt hại cho Công ty và khách hàng, đảm bảo quá trình hoạt động của Công ty được diễn ra thông suốt, liên tục, an toàn, chính xác, hiệu quả, tăng cường khả năng đạt được các mục tiêu đã hoạch định.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Công tác tổ chức:

- Năm 2020, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh gồm có 03 thành viên bao gồm: 01 trưởng ban, 02 thành viên. Trong năm 2020, đã miễn nhiệm 01 Trưởng Ban Kiểm soát là bà Đàm Thị Hương và 01 thành viên Ban Kiểm soát là bà Phan Anh Ngọc Thanh, đồng thời bổ nhiệm 01 Trưởng Ban Kiểm soát thay thế là Ông Nguyễn Ngọc Thọ và bầu bổ sung 02 thành viên Ban Kiểm soát là bà Nguyễn Thị Cúc và bà Trần Thị Thủy, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
01	Đàm Thị Hương	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 16/04/2020
02	Phạm Anh Ngọc Thanh	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 16/06/2020
03	Nguyễn Ngọc Thọ	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 16/04/2020
04	Nguyễn Thị Cúc	Thành viên BKS	Bầu bổ sung ngày 16/06/2020
05	Trần Thị Thủy	Thành viên BKS	Bầu bổ sung ngày 16/06/2020

2. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020:

- Ban Kiểm soát đã phối hợp với HĐQT, ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng và đơn đốc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát đã tiến hành nhiều hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của BMSC trong việc quản lý, điều hành, cụ thể:
 - ✓ Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, của Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của BMSC đảm bảo phù hợp đúng quy trình.
 - ✓ Tham gia các buổi làm việc của lãnh đạo BMSC trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh, đầu tư định kỳ, bất thường. Kiểm tra giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư theo chiến lược phù hợp với nền kinh tế khó khăn hiện nay.
 - ✓ Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng giám đốc BMSC cung cấp.

- ✓ Xem xét các báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính, báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính bán niên và báo cáo tài chính, báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính năm 2020 trước và sau khi kiểm toán, báo cáo kiểm toán, thư quản lý do Công ty kiểm toán độc lập phát hành, kiểm tra khắc phục các vấn đề thiếu sót của Công ty.
- ✓ Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư mua sắm tài sản, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập.
- ✓ Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của công ty.

3. Hoạt động giám sát Hội đồng quản trị:

- Ban Kiểm soát thường xuyên được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, qua đó Ban Kiểm soát nhận thấy: Thể thức cuộc họp, nội dung, biên bản cuộc họp, các Nghị Quyết, Quyết định và văn bản của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.
- Năm 2020 HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp định kỳ, bất thường để trao đổi phân tích đi đến thống nhất quyết định trong các thành viên. HĐQT Công ty đã ban hành các Nghị quyết, quyết định chỉ đạo các phòng ban Công ty về việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty.
- HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành trong quá trình chỉ đạo điều hành và trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh của công ty trước hoàn cảnh suy thoái kinh tế trong nước và toàn cầu, trên cơ sở đó để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã được Đại Hội đồng Cổ đông giao cho.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.

- Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao, Ban Kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng Quy chế, nội dung cuộc họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát cũng thường xuyên xem xét, góp ý kiến với Ban Tổng Giám Đốc trong các hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh, để phù hợp với mục tiêu của Hội Đồng Quản Trị và các chính sách, chế độ quy định.

5. Công tác tài chính kế toán:

- Báo cáo tài chính, báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và các tài liệu liên quan, Ban Kiểm soát nhận thấy: Phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kế toán áp dụng và các chế độ chính sách tài chính kế toán Công ty áp dụng thể hiện trong Báo cáo tài chính năm 2020 là phù hợp. Ban Kiểm soát nhất trí với các số liệu cũng như nhận xét của Kiểm toán viên đưa ra trong Báo cáo kiểm toán.
- Báo cáo tài chính các quý trong năm: Việc thực hiện báo cáo tháng, báo cáo quý, báo cáo bán niên trong năm đầy đủ, đáp ứng được các nội dung cũng như mẫu biểu theo chế độ quy định.

- Về thời gian lập và gửi báo cáo tài chính trong năm đúng quy định, kịp thời phục vụ tốt việc quản trị của Công ty.
- Công ty đã quản lý và kiểm soát công tác tài chính năm 2020:
 - o Sổ sách kế toán, thống kê đầy đủ, rõ ràng, lưu trữ đúng theo quy định của chế độ kế toán thống kê.
 - o Thực hiện công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, tài sản, công cụ dụng cụ... theo đúng quy định.

6. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021

- Thực hiện rà soát lại cơ cấu, chức năng nhiệm vụ của bộ phận kiểm soát, kiểm toán nội bộ để kiện toàn lại bộ máy cho phù hợp với hoạt động của Công ty.
- Kiểm tra việc tuân thủ các chế độ chính sách, pháp luật của nhà nước, các quy định, văn bản hướng dẫn.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác xây dựng quy chế, quy định, quy trình quản lý nội bộ của Công ty.
- Kiểm tra cơ cấu tổ chức và lao động của Công ty. Công tác bổ nhiệm nhân sự, tuyển dụng lao động, chi trả lương và thu nhập.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kiểm tra việc thực hiện báo cáo thông kê theo quy định của các Khối/phòng về tính kịp thời, chính xác của số liệu.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch cân đối nhu cầu vốn và kế hoạch dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán và xác nhận: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm 2020

Tham khảo chi tiết Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán tại website: www.bmsc.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		846.239.701.980	797.048.929.713
I. Tài sản tài chính	110		845.692.583.135	796.531.885.445
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4	375.888.012.306	232.957.041.577
1.1 Tiền	111.1		375.888.012.306	232.957.041.577
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	6.1	460.767.439.470	355.056.638.120
3. Các khoản cho vay	114	6.2	4.738.058.651	26.094.870.180
4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	6.2	(3.641.652.645)	(3.641.652.645)
5. Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	119		10.000.000	10.000.000
6. Các khoản phải thu khác	122	7	7.930.725.353	186.054.988.213
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		547.118.845	517.044.268
1. Tạm ứng	131		-	5.400.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		547.118.845	511.644.268
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		5.020.882.546	6.978.951.107
I. Tài sản cố định	220		1.722.384.312	2.834.329.284
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	720.168.183	1.005.313.155
- Nguyên giá	222		7.594.606.668	7.549.106.668
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(6.874.438.485)	(6.543.793.513)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	1.002.216.129	1.829.016.129
- Nguyên giá	228		10.557.565.440	10.557.565.440
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(9.555.349.311)	(8.728.549.311)
II. Tài sản dài hạn khác	250		3.298.498.234	4.144.621.823
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		507.954.375	507.954.375
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		-	1.372.209.315
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	10	2.790.543.859	2.264.458.133
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		851.260.584.526	804.027.880.820

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)	300		215.261.323.582	207.960.357.621
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		207.920.261.230	207.759.957.621
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	181.700.000
2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	11	180.000.000.000	160.000.000.000
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320		8.745.754	8.745.754
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		566.500.000	30.000.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	12	5.244.846.038	12.486.024.705
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		85.431.970	88.106.506
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	13	10.712.539.817	25.009.612.593
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	14	5.022.660.550	3.997.878.366
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		6.279.537.101	5.957.889.697
II. Nợ phải trả dài hạn	340		7.341.062.352	200.400.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		-	200.400.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	15	7.341.062.352	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		635.999.260.944	596.067.523.199
I. Vốn chủ sở hữu	410		635.999.260.944	596.067.523.199
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	500.000.000.000	500.000.000.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		500.000.000.000	500.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		14.560.195.321	12.238.582.661
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		14.560.195.321	12.238.582.661
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		106.878.870.302	71.590.357.877
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		77.514.620.896	77.079.195.137
- Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện	417.2		29.364.249.406	(5.488.837.260)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		851.260.584.526	804.027.880.820

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	004		-	-
2. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	006		50.000.000	50.000.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK (cổ phiếu)	008		16.434.192	20.465.849
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>008.1</i>		<i>16.434.192</i>	<i>20.465.849</i>
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (cổ phiếu)	021		238.832.486	232.791.049
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>		<i>179.941.824</i>	<i>185.359.089</i>
<i>b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>		<i>58.332.684</i>	<i>47.413.310</i>
<i>c. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>		<i>557.978</i>	<i>18.650</i>
2. Tiền gửi của khách hàng (VND)	026		12.776.411.477	4.616.084.114
<i>a. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán</i>	<i>027</i>	<i>17.1</i>	<i>10.622.996.678</i>	<i>3.146.097.347</i>
<i>b. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán</i>	<i>030</i>	<i>17.2</i>	<i>2.153.414.799</i>	<i>1.469.986.767</i>
3. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	031	17.3	10.907.918.972	3.147.761.574
<i>a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>031.1</i>		<i>10.907.918.972</i>	<i>3.147.761.574</i>
4. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)	035	17.4	5.274.675.705	5.223.263.740

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		410.645.069.245	189.510.974.592
a. Lãi bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01.1	18.1	196.703.478.017	92.985.818.753
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01.2	18.2	213.270.519.922	95.545.556.469
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01.3		671.071.306	979.599.370
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		872.602.721	1.875.397.259
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		2.147.766.468	1.112.543.536
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		5.304.303.844	11.017.213.769
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	24.500.000.000
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		904.321.442	1.388.241.443
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	10		14.427.493.937	21.598.692.727
1.9. Thu nhập hoạt động khác	11		556.187.411	196.352.351
Cộng doanh thu hoạt động (20=01+02+03+06+07+08+09+10+11)	20		434.857.745.068	251.199.415.677
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		205.040.391.136	130.926.317.519
a. Lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21.1	18.1	35.336.229.547	38.253.784.076
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21.2	18.2	169.704.161.589	92.672.533.443
2.2. Chi phí hoạt động tự doanh	26	19	128.183.964.454	35.278.048.649
2.3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		4.334.301.905	6.216.187.424
2.4. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	15.844.971.295
2.5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		972.605.549	1.219.440.005
2.6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	31		4.593.278.105	-
2.7. Chi phí các dịch vụ khác	32		2.205.230.416	1.907.018.252
Cộng chi phí hoạt động (40=21+26+27+29+30+31+32)	40		345.329.771.565	191.391.983.144

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		255.943.283	564.356.351
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=42)	50		255.943.283	564.356.351
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52		13.336.279.336	13.010.273.531
Cộng chi phí tài chính (60=52)	60	20	13.336.279.336	13.010.273.531
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	21	13.489.862.515	13.524.239.129
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)	70		62.957.774.935	33.837.276.224
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1. Thu nhập khác	71		706.390.550	33.155.428.526
7.2. Chi phí khác	72		(922.426.122)	(353.327.025)
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71+72)	80		(216.035.572)	32.802.101.501
VIII. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)	90		62.741.739.363	66.639.377.725
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		19.175.381.030	63.766.354.699
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		43.566.358.333	2.873.023.026
IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	100	22	16.309.486.172	13.292.824.813
9.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		7.596.214.505	12.718.220.208
9.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		8.713.271.667	574.604.605
X. LỢI NHUẬN SAU THUẾ (200=90-100)	200		46.432.253.191	53.346.552.912
XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
11.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	501	24	873	1.035

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	62.741.739.363	66.639.377.725
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	14.493.724.308	10.752.372.009
- Khấu hao tài sản cố định	03	1.157.444.972	1.161.451.458
- Chi phí lãi vay	06	13.336.279.336	13.010.273.531
- Dự thu tiền lãi	08	-	(3.419.352.980)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	169.704.161.589	92.672.533.443
- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11	169.704.161.589	92.672.533.443
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(213.270.519.922)	(95.545.556.469)
- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19	(213.270.519.922)	(95.545.556.469)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	89.689.465.391	67.846.776.359
- Thay đổi tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	(62.144.443.017)	(125.959.993.654)
- Thay đổi các khoản cho vay	33	21.356.811.529	(22.365.581.967)
- Thay đổi các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	-	22.000.040.405
- Thay đổi các khoản phải thu khác	39	178.666.162.860	204.426.395.144
- Thay đổi các tài sản khác	40	(526.085.726)	(692.575.049)
- Thay đổi chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(13.350.990.583)	13.617.612.591
- Thay đổi chi phí trả trước	42	(35.474.577)	253.802.839
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	(6.991.488.843)	(12.071.856.114)
- Lãi vay đã trả	44	(14.282.361.529)	(12.303.205.036)
- Thay đổi các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	(2.674.536)	(27.203.932)
- Thay đổi thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(7.845.904.329)	1.908.083.622
- Thay đổi phải trả người lao động	48	(6.178.868.042)	(4.071.442.150)
- Thay đổi phải trả, phải nộp khác	50	1.024.782.184	3.132.699.660
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	123.358.570.729	142.365.503.067
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(45.500.000)	(35.310.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(45.500.000)	(35.310.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay gốc và nợ gốc trái phiếu phát hành	73	240.000.000.000	259.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	74	(220.382.100.000)	(249.200.400.000)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	76	-	(25.626.711.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	19.617.900.000	(15.827.111.200)
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm	90	142.930.970.729	126.503.081.867
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	232.957.041.577	106.453.959.710
- Tiền	101.1	232.957.041.577	14.453.959.710
- Các khoản tương đương tiền	101.2	-	92.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	375.888.012.306	232.957.041.577
- Tiền	103.1	375.888.012.306	232.957.041.577

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	1.387.879.962.435	1.789.429.459.435
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(1.712.273.621.841)	(889.310.043.866)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán/(Thanh toán) giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	332.153.816.804	(905.409.625.248)
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	-	(399.380.979)
5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	54.463.512.426	110.906.032.516
6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(54.063.342.461)	(106.363.956.650)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	8.160.327.363	(1.147.514.792)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	4.616.084.114	5.763.598.906
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	4.616.084.114	5.763.598.906
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	32	3.146.097.347	4.363.415.246
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	1.469.986.767	1.400.183.660
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40=20+30)	40	12.776.411.477	4.616.084.114
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	12.776.411.477	4.616.084.114
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	42	10.622.996.678	3.146.097.347
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	2.153.414.799	1.469.986.767

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	01/01/2019	01/01/2020	Năm trước	Năm nay	31/12/2019	31/12/2020
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
I. Biến động vốn chủ sở hữu						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	9.571.255.015	12.238.582.661	2.667.327.646	-	12.238.582.661	14.560.195.321
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	9.571.255.015	12.238.582.661	2.667.327.646	-	12.238.582.661	14.560.195.321
4. Lợi nhuận chưa phân phối	27.846.184.489	71.590.357.877	130.705.684.050	86.961.510.662	71.590.357.877	106.878.870.302
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	35.633.440.170	77.079.195.137	51.048.134.491	9.602.379.524	77.079.195.137	77.514.620.896
4.2. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	(7.787.255.681)	(5.488.837.260)	79.657.549.559	77.359.131.138	(5.488.837.260)	29.364.249.406
	5.46.988.694.519	596.067.523.199	136.040.339.342	86.961.510.662	596.067.523.199	635.999.260.944
					146.907.070.038	

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 ngày 16 tháng 6 năm 2020, thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 như sau:

- Trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế, tương đương 2.667.327.646 đồng.
- Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế, tương đương 2.667.327.646 đồng.
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 3% lợi nhuận sau thuế, tương đương 1.600.396.587 đồng.
- Trích lập Quỹ khen thưởng khách hàng với tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế, tương đương 1.066.931.058 đồng.
- Trích lập thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát với tỷ lệ 3% lợi nhuận sau thuế tương đương 1.600.396.587 đồng.
- Chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 9% mệnh giá cổ phần, tương đương 45 tỷ đồng.
- Tại ngày báo cáo, Công ty vẫn chưa hoàn thành thủ tục phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tổng tỷ lệ 14% mệnh giá cổ phần, tương đương 70 tỷ đồng (7.000.000 cổ phần), trong đó bao gồm 5% cổ tức của năm 2018 và 9% cổ tức của năm 2019.

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 ngày 16 tháng 6 năm 2020, Công ty đã tạm trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

- Trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế, tương đương 2.321.612.660 đồng.
- Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế, tương đương 2.321.612.660 đồng.
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 6% lợi nhuận sau thuế, tương đương 2.785.935.191 đồng.
- Trích lập quỹ khen thưởng khách hàng với tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế, tương đương 928.645.063 đồng.
- Trích lập thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với tỷ lệ 6% lợi nhuận sau thuế, tương đương 2.785.935.191 đồng.

Phụ lục Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh được đính kèm báo cáo này.

Tp. HCM, ngày 15 tháng 04 năm 2021

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA
CTCP CHỨNG KHOÁN BẢO MINH
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Hoàng Văn Chăng